TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN BẮC** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/ DS-ST
Ngày : 18-9-2018.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Anh Trí.

2/ Bà Trần Thị Kim Trang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc , tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Bích Truyền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 63/2018/TLST – DS ngày 06 tháng 6 năm 2018. Về: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2018/QĐXXST–DS ngày 29/8/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Ông Đoàn Minh S – Sinh năm 1965;

2/ Bà Phạm Thị H – sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Thôn P , xã H , huyện H , tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H : Ông Đoàn Minh S – sinh năm 1965. Theo giấy ủy quyền ghi ngày 14/6/2018.

Bị đơn: 1/ Bà Thông Thị Kim T – sinh năm 1964.

2/ Bà Đồng Thị Kim C– sinh năm 1986.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đồng Minh T – sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã H - H, tỉnh Bình Thuận.

Người làm chứng: Bà Thanh Ái H – Sinh năm 1982.

Địa chỉ : Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Có mặt các bên đương sự và người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2018 và tại bản khai nguyên đơn – người đại diện theo ủy quyền của bà H - ông Đoàn Minh S trình bày: Ông là người đại diện theo ủy quyền của bà H, do bà H bận công việc không thể tham gia tại Tòa án. Mọi ý kiến, quyết định của ông cũng là ý kiến, quyết định của bà H, vợ chồng ông sẽ không khiếu nại gì. Ông với bà T, ông T, bà C không có quan hệ họ hàng gì với nhau, chỉ là bạn làm ăn. Vào ngày 23/4/2018 bà T cùng con gái là bà C có đến nhà vay của vợ chồng ông số tiền 200.000.000đ với mục đích để đáo hạn ngân hàng, khi vay thỏa thuận vay trong 10 ngày sẽ trả cho vợ chồng ông. Đến ngày trả nợ gia đình ông T, bà T, bà C không trả và xin gia hạn đến ngày 11/5/2018 sẽ trả nhưng hết thời hạn trên vẫn không trả cho vợ chồng ông. Mặc dù vợ chồng ông đã nhiều lần tác động nhưng ông T, bà T, bà C không chịu trả. Tại đơn khởi kiện ban đầu ông có yêu cầu vợ chồng bà T, ông T và bà C trả nợ cho vợ chồng ông, nhưng theo ông số tiền bà C, bà T vay về để đáo hạn ngân hàng, ông T không biết gì. Do vậy, vợ chồng ông đã có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện. Vợ chồng ông chỉ yêu cầu bà T, bà C phải trả cho vợ chồng ông số tiền còn nợ tổng cộng là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Tại bản khai bị đơn bà Thông Thị Kim T trình bày: Bà không có vay tiền của vợ chồng ông S. Việc vay mượn tiền là do con gái bà là Đồng Thị Kim C vay của vợ chồng ông S chứ bà không biết. C vay bao nhiêu, vay khi nào, vay để làm gì bà không biết. Chỉ đến khi đổ nợ ra thì ông S, bà H buộc bà phải ký vào giấy mượn tiền với số tiền là 200.000.000đ. Chữ ký trong giấy mượn tiền ghi ngày 23/4/2018 đúng là chữ ký của bà, nhưng việc bà ký vào giấy mượn tiền ghi ngày 23/4/2018 là do bà bị vợ chồng ông S, bà H buộc bà phải ký. Nay bà H, ông S yêu cầu bà với bà C phải trả cho vợ chồng ông S, bà H số tiền 200.000.000đ thì bà không đồng ý, vì bà không nhận một đồng nào của ông S, bà H. Còn ông T cũng không biết gì về việc vay này.

Bị đơn bà Đồng Thị Kim C trình bày: Bà với ông S, bà H không có quan hệ họ hàng gì. Ông T là cha ruột của bà, bà T là mẹ ruột của bà. Vào ngày 23/4/2018 bà có đến nhà ông S, bà H vay số tiền 100.000.000đ mục đích để đáo hạn ngân hàng (Khi đi thì có đi cùng với chị H do chị H có quen biết với ông S, bà H). Khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/ ngày. Sau khi trả xong 1.200.000đ (tiền lãi 06 ngày) thì bà H có vay thêm số tiền là 100.000.000đ lúc vay thì bà và bà H cùng ký tên. Do làm ăn

không suôn sẻ, bà đã sử dụng số tiền đó để trả tiền lãi cho người khác và bà bị người khác lừa. Sau đó thì ông S, bà H viết giấy mượn tiền ép buộc mẹ bà là bà Thông Thị Kim T ký vào giấy mượn tiền để có chứng cứ rằng bà có mượn tiền của ông S, bà H. Số tiền 200.000.000đ nợ của ông S, bà H là tiền do bà vay để làm ăn, chứ không liên quan gì đến cha mẹ bà, cha mẹ bà cũng không biết gì về việc này, cũng không sử dụng gì trong số tiền nợ này. Nay ông S, bà H yêu cầu bà và bà T cùng phải chịu trách nhiệm trả số tiền nợ 200.000.000đ thì bà có ý kiến: Việc bà vay nợ thì bà sẽ chịu trách nhiệm trả cho ông S, bà H. Cha mẹ bà không liên quan gì đến số tiền nợ trên. Một mình bà sẽ chịu trách nhiệm trả cho ông S, bà H số tiền nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Nhưng hiện nay do hoàn cảnh còn khó khăn, việc nợ nần cũng đã trình báo ở công an, nên bà mong muốn ông S cho bà thêm thời gian để bà sắp xếp trả nợ.

Tại bản khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đồng Minh T trình bày: Việc vay mượn tiền gì đó là do con gái ông là Đồng Thị Kim C vay của vợ chồng ông S, chứ ông không biết. C vay bao nhiêu, vay khi nào, vay để làm gì ông không biết. Chỉ đến khi đổ nợ ra thì ông S, bà H kiện ra Tòa thì ông mới biết về việc vay mượn này. Ông cũng không ký vào giấy tờ mượn tiền gì giữa ông S với bà C. Nay bà H, ông S yêu cầu bà T, bà C phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền 200.000.000đ thì ông không có ý kiến gì, vì ông không nhận một đồng nào của ông S, bà H. Ai vay tiền thì người đó tự chịu trách nhiệm, chứ không liên quan gì đến ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Việc vợ chồng ông S yêu cầu bà T, bà C phải trả số tiền nợ 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng) là hoàn toàn có căn cứ. Bởi vì theo giấy mượn tiền ngày 23/4/2018 bà T, bà C xác định đúng là chữ ký của bà T, bà C. Việc vay mượn này ông T (chồng bà T) không biết gì và cũng được ông S xác nhận là đúng, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông S buộc bà T, bà C phải liên đới trả cho vợ chồng bà H, ông S số tiền 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng). Cụ thể: Bà T trả cho bà H, ông S số tiền 100.000.000đ và bà C trả cho bà H, ông S số tiền 100.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả lại số tiền nguyên đơn đã cho vay mượn. Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có địa chỉ tại thôn L, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

Vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Đoàn Minh Syêu cầu bà Thông Thị Kim T, bà Đồng Thị Kim C phải hoàn trả cho bà H, ông S số tiền vay còn nợ là 200.000.000đ(Hai trăm triệu đồng). Chứng cứ bà H, ông S đưa ra là Giấy mượn tiền viết ngày 23/4/2018. Trong quá trình giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay bà Đồng Thị Kim Cxác định số tiền này là do bà vay, chứ không liên quan gì đến mẹ bà là bà T, bà đồng ý hoàn trả 200.000.000đ cho vợ chồng ông S - H, nhưng bà H, ông S không đồng ý. Còn bà T cho rằng: "Giấy mượn tiền" viết ngày 23/4/2018 đúng là do bà ký và ghi họ tên Thông Thị Kim T, nhưng bà không nhận tiền của vợ chồng ông S, việc giao nhận tiền là chỉ có con bà Đồng Thị Kim C nhận thì C trả, nhưng do vợ chồng ông S bắt buộc bà ký vào giấy này nên bà ký, bà không có nhận tiền của vợ chồng ông S, do đó bà không đồng ý cùng C trả số tiền trên.

[2.1] Xét nội dung giấy mượn tiền ngày 23/4/2018 nội dung thể hiện bà Đồng Thị Kim C cùng với bà Thông Thị Kim T có vay mượn của vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Đoàn Minh S số tiền 200.000.000đ với mục đích vay để đáo hạn ngân hàng. Chứng cứ bà H, ông S đưa ra thì bên bà Đồng Thị Kim C và bà Thông Thị Kim T thừa nhận đúng là chữ ký trong giấy mượn tiền ngày 23/4/2018 là do bà C và bà T cùng ký và thống nhất với số tiền vay đã viết là 200.000.000đ. Khi đến hạn thì bà C, bà T không hoàn trả và có xin hẹn lại ngày khác, nhưng khi đến ngày hẹn bà C, bà T cũng không thực hiện. Như vậy bà C, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo giấy mượn tiền ngày 23/4/2018.

[2.2] Việc bà T nại ra bà ký vào giấy mượn tiền là do vợ chồng bà H, ông Sép buộc, nhưng bà T không có chứng cứ gì để chứng minh bà bị ép buộc ký vào giấy mượn tiền này. Bà T là người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, một khi bà đã cùng với bà C ký vào giấy vay mượn thì bà phải cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán số

tiền trên cho vợ chồng bà H, ông S. Theo các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên Tòa hôm nay người làm chứng bà Thanh Ái H cũng xác định vào ngày 23/4/2018 bà cùng đi với bà T, bà C đến nhà vợ chồng bà H, ông S để bà T, bà C vay mượn số tiền trên, vì bà có quen biết với bà H, ông S và bà có ký vào giấy mượn tiền này với tư cách là người làm chứng thì làm sao có sự ép buộc việc bà T ký vào giấy mượn tiền. Hơn nữa tại Tòa bà T cho rằng vào ngày nào bà không nhớ rõ, bà đi khám bệnh về thì C có chở bà vào nhà ông S, C bảo bà ký vào giấy này cho C thì bà ký, bà cũng không có đọc, nên không biết là ký giấy gì, chứ bà không có nhận tiền. Còn ông Đồng Minh T (chồng bà T) cho rằng việc vợ chồng bà H, ông S cho bà C, bà T vay mượn như thế nào thì ông không hề hay biết, điều này cũng được vợ chồng bà H, ông S xác định ông T không biết gì về vấn đề vay mượn này, vì bà C , bà T bảo vay về để đáo hạn ngân hàng cho tổ phụ nữ, nên số tiền này bà T không dùng vào mục đích phục vụ những nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống của gia đình, do vậy không buộc ông T phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng với bà T. Từ những phân tích nêu trên đủ căn cứ để khẳng định bà Đồng Thị Kim C và bà Thông Thị Kim T có vay của vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Đoàn Minh S số tiền là 200.000.000đ. Nay vợ chồng bà H, ông S yêu cầu bà C, bà T phải hoàn trả số tiền trên là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận. Cụ thể được chia: Bà Đồng Thị Kim C phải có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Đoàn Minh S số tiền 100.000.000đ; Bà Thông Thị Kim T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Đoàn Minh S số tiền 100.000.000đ

[3] Đối với ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của vợ chồng bà H, ông S buộc bà T, bà C phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị H, ông Đoàn Minh S số tiền 200.000.000đ thì như qua phân tích ở trên là hoàn toàn có cơ sở.

[4] Về án phí: Bà C, bà T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 145,147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với số tiền bà C, bà T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả 200.000.000đ.

Bà H, ông S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H, ông S số tiền đã nộp tạm ứng án phí 5.000.000đ.

Ông Đồng Minh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ các Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự**.**

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện *"Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản"* của vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Đoàn Minh S đối với bà Thông Thị Kim Tt và bà Đồng Thị Kim C.

Buộc bà Đồng Thị Kim C và bà Thông Thị Kim T phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Đoàn Minh S số tiền vay còn nợ là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Được chia cụ thể:

Bà Đồng Thị Kim C phải có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Đoàn Minh S số tiền 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng);

Bà Thông Thị Kim T phải có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Đoàn Minh S số tiền 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng).

2/ Căn cứ các Điều 145, 146, 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 24; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 357 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí:

- Bà Đồng Thị Kim C phải chịu 5.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.
- Bà Thông Thị Kim T phải chịu 5.000.000đ án phí Dân sự sơ thẩm.
- Bà Phạm Thị H, ông Đoàn Minh Skhông phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho vợ chồng bà H, ông S số tiền tạm ứng án phí 5.000.000đ(Năm triệu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0015257 ngày 06/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.
- Ông Đồng Minh T không phải chiu án phí Dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015".

Các bên đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/9/2018).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;
- Chi cục THADS H.Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Bạch Tuyết